

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HƯNG YÊN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2131 /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 30 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đính chính Quyết định số 1300/QĐ-UBND
ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;
Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 71/SXD-QH ngày 30/10/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính mục III, Điều 1 của Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở sinh thái Minh Phương trên địa bàn phường Minh Khai, thành phố Hưng Yên như sau:

Nội dung đã ban hành:

STT	Loại đất	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xây dựng	Tầng cao trung bình
1	Đất xây dựng công trình		5.780	10,07	50	3
	<i>Công trình 01 (2 biệt thự)</i>	<i>CT - 01</i>	<i>946</i>		<i>50</i>	<i>3</i>
	<i>Công trình 02 (4 biệt thự)</i>	<i>CT - 02</i>	<i>2.142</i>		<i>50</i>	<i>3</i>
	<i>Công trình 03 (2 biệt thự)</i>	<i>CT - 03</i>	<i>679</i>		<i>50</i>	<i>3</i>
	<i>Công trình 04 (2 biệt thự)</i>	<i>CT - 04</i>	<i>1.245</i>		<i>50</i>	<i>3</i>
	<i>Khu nhà dịch vụ</i>	<i>CT - 05</i>	<i>768</i>		<i>-</i>	<i>2</i>
2	Đất cây xanh, mặt nước, nuôi trồng thủy sản		45.054	78,52	-	-
		<i>CX - 01</i>	<i>6.785</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
		<i>CX - 02</i>	<i>28.347</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
		<i>CX - 03</i>	<i>3.503</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
		<i>CX - 04</i>	<i>6.419</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
3	Đất giao thông nội bộ		6.546	11,41	-	-
	Tổng cộng		57.380	100		

Đính chính lại:

STT	Loại đất	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xây dựng	Tầng cao trung bình
1	Đất xây dựng công trình		5.293	9,22	50	3
	<i>Công trình 01 (2 biệt thự)</i>	<i>CT - 01</i>	<i>903</i>		<i>50</i>	<i>3</i>
	<i>Công trình 02 (4 biệt thự)</i>	<i>CT - 02</i>	<i>2.142</i>		<i>50</i>	<i>3</i>
	<i>Công trình 03 (2 biệt thự)</i>	<i>CT - 03</i>	<i>679</i>		<i>50</i>	<i>3</i>
	<i>Công trình 04 (2 biệt thự)</i>	<i>CT - 04</i>	<i>938</i>		<i>50</i>	<i>3</i>
	<i>Khu nhà dịch vụ</i>	<i>CT - 05</i>	<i>631</i>		<i>-</i>	<i>2</i>
2	Đất cây xanh, mặt nước, nuôi trồng thủy sản		45.054	78,52	-	-
		<i>CX - 01</i>	<i>6.785</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
		<i>CX - 02</i>	<i>28.347</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
		<i>CX - 03</i>	<i>3.503</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
		<i>CX - 04</i>	<i>6.419</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
3	Đất giao thông nội bộ		7.033,5	12,26	-	-
	Tổng cộng		57.380,5	100		

Điều 2. Các nội dung khác tại Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh không thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Công ty Điện lực Hưng Yên; Chủ tịch UBND thành phố Hưng Yên; Chủ tịch UBND phường Minh Khai; Công ty TNHH Minh Phương và thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Văn Phòng UBND tỉnh;
- Lưu: Văn thư, KT1^D.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Đặng Minh Ngọc